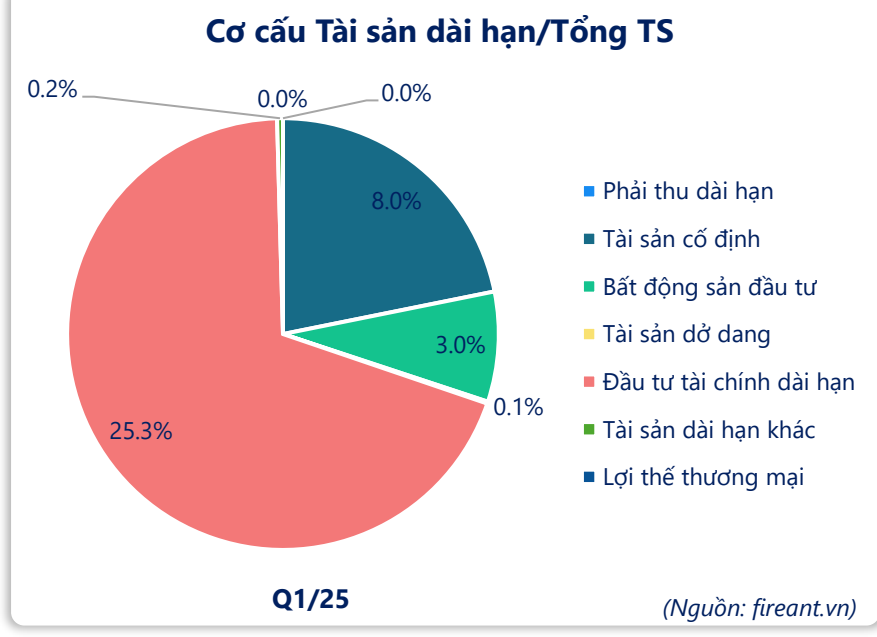
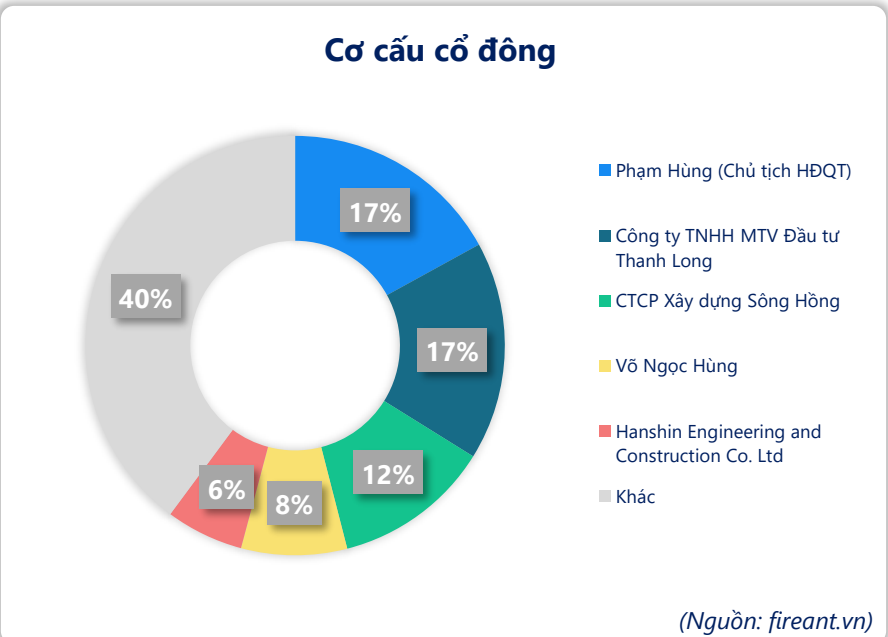
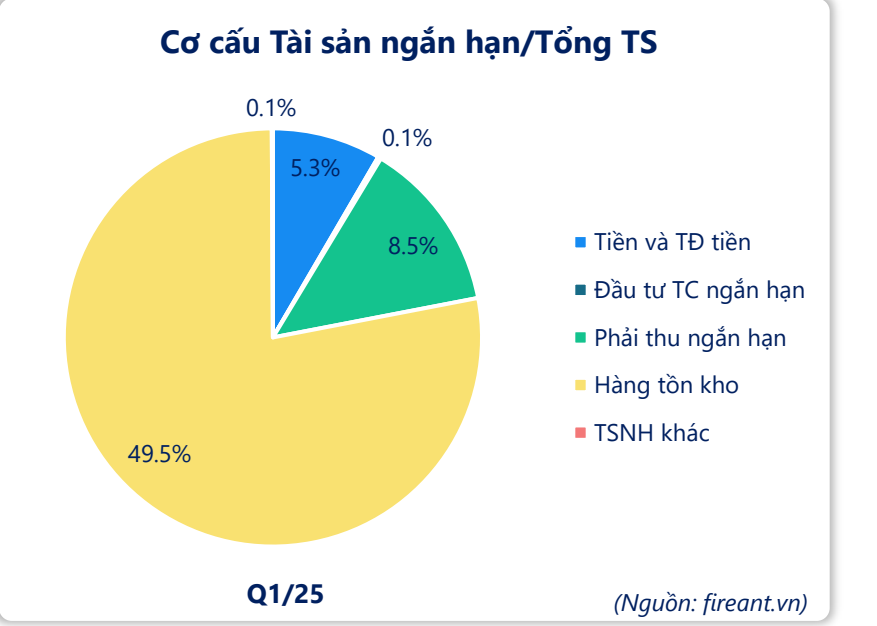
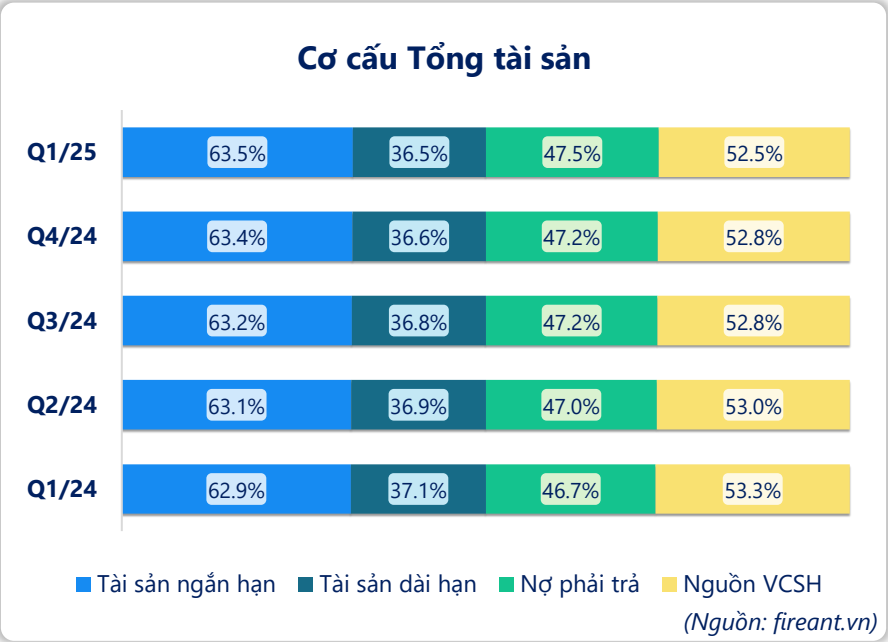
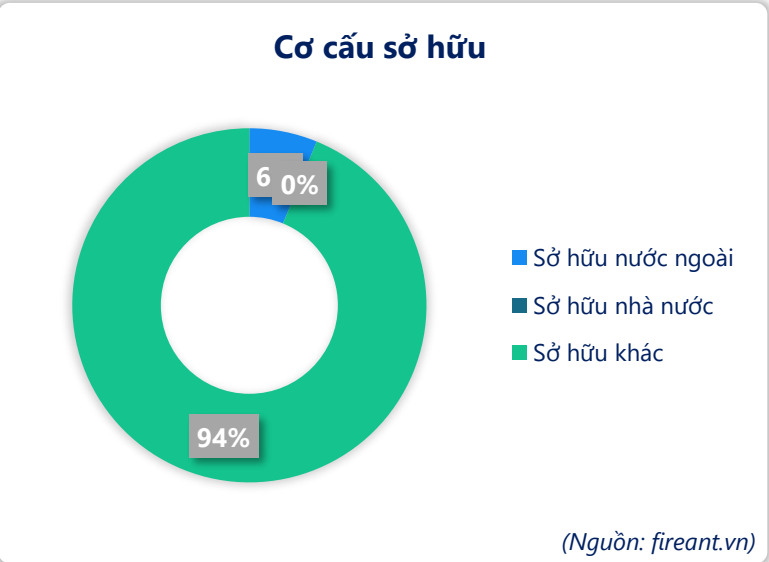
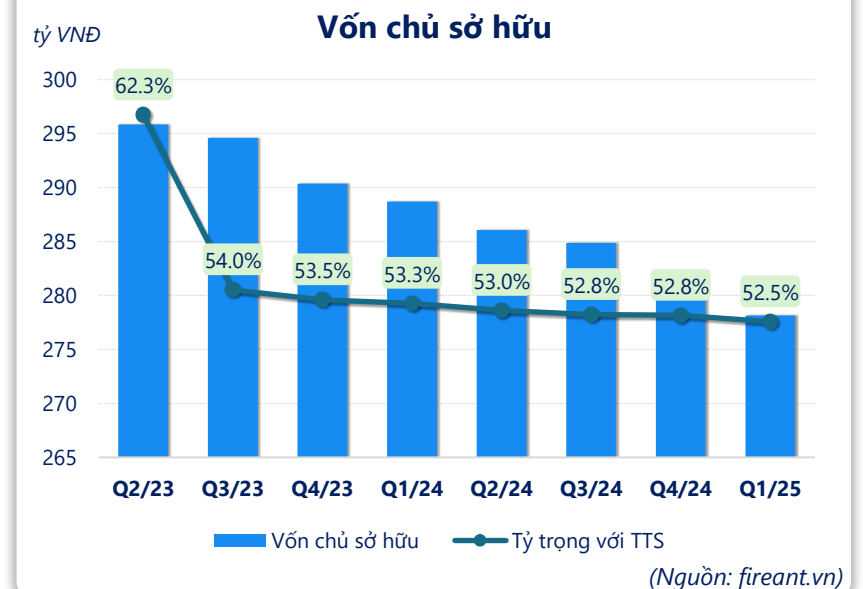
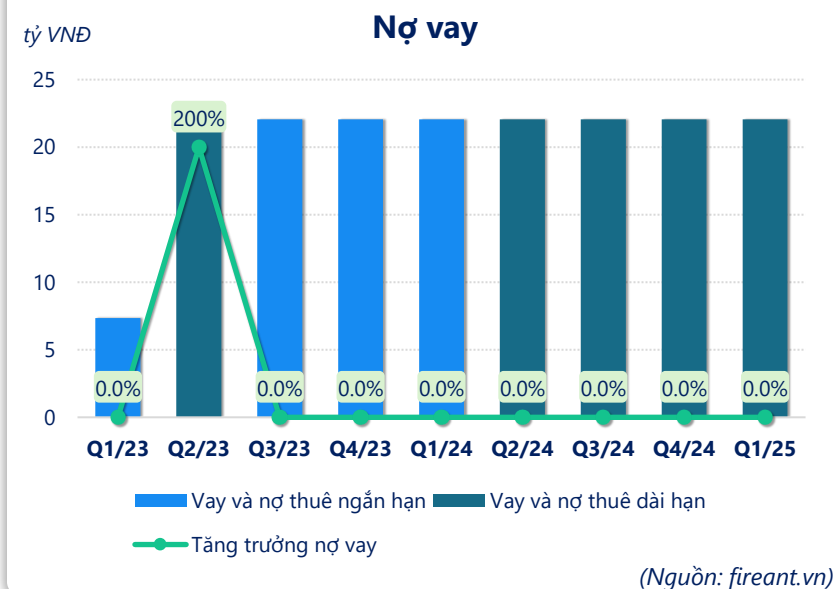
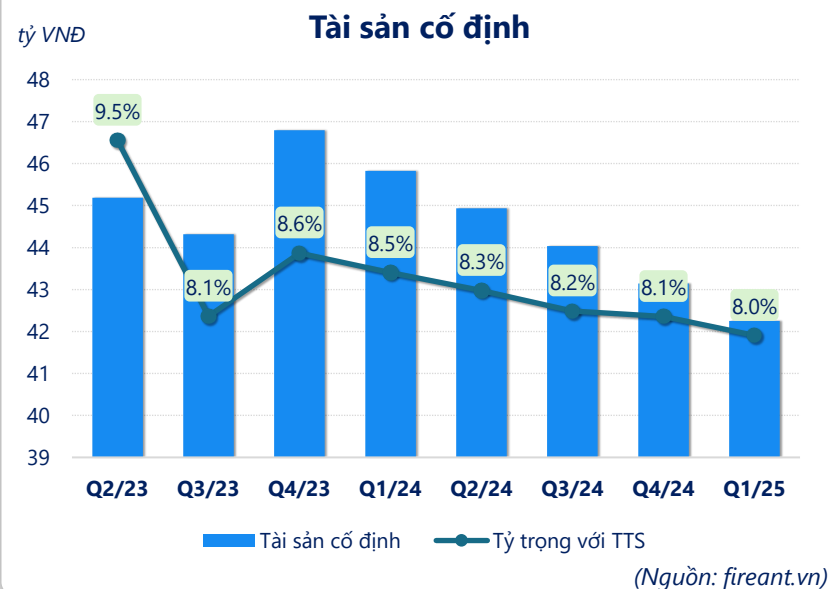
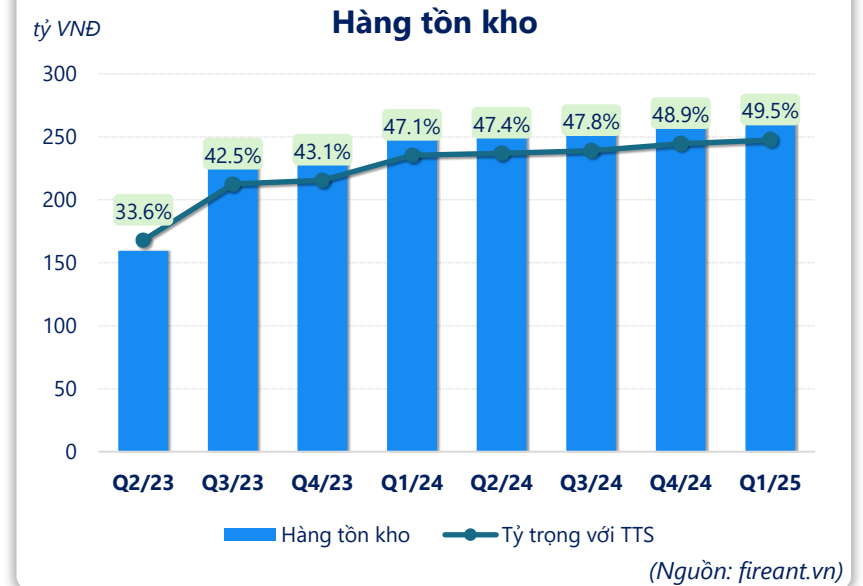
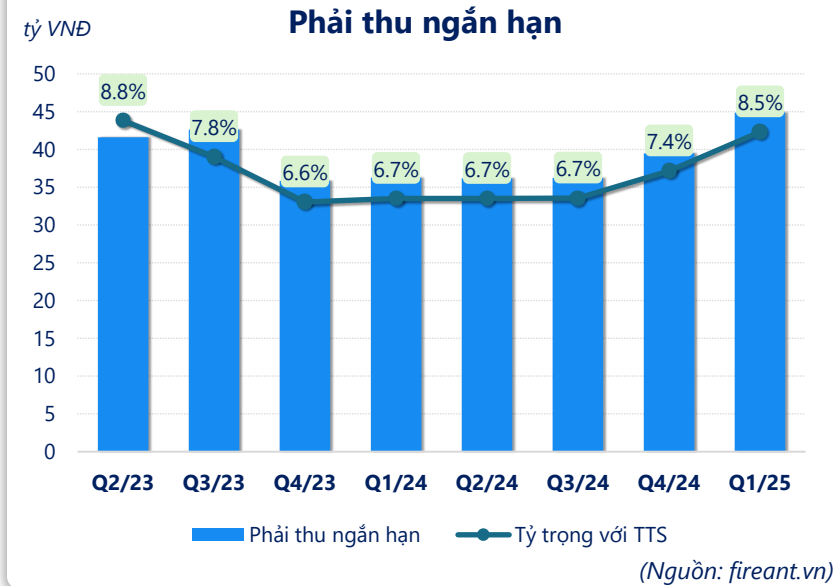
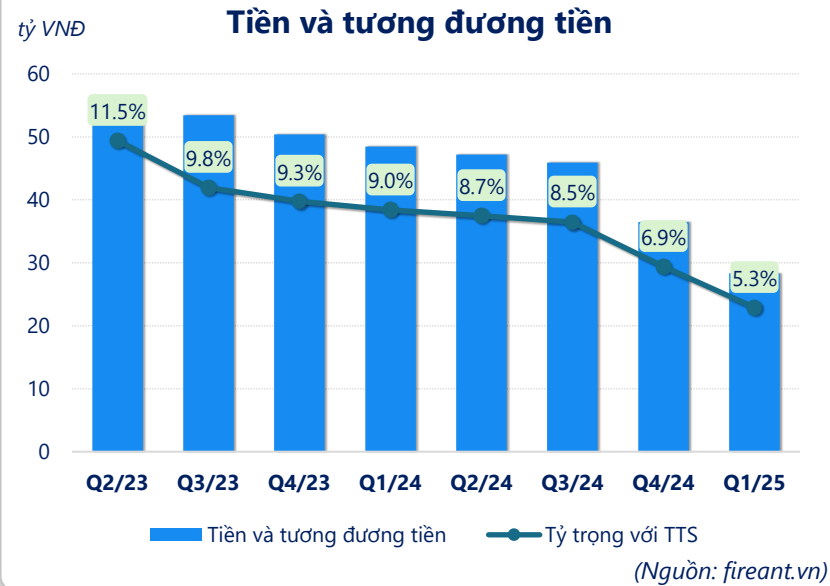
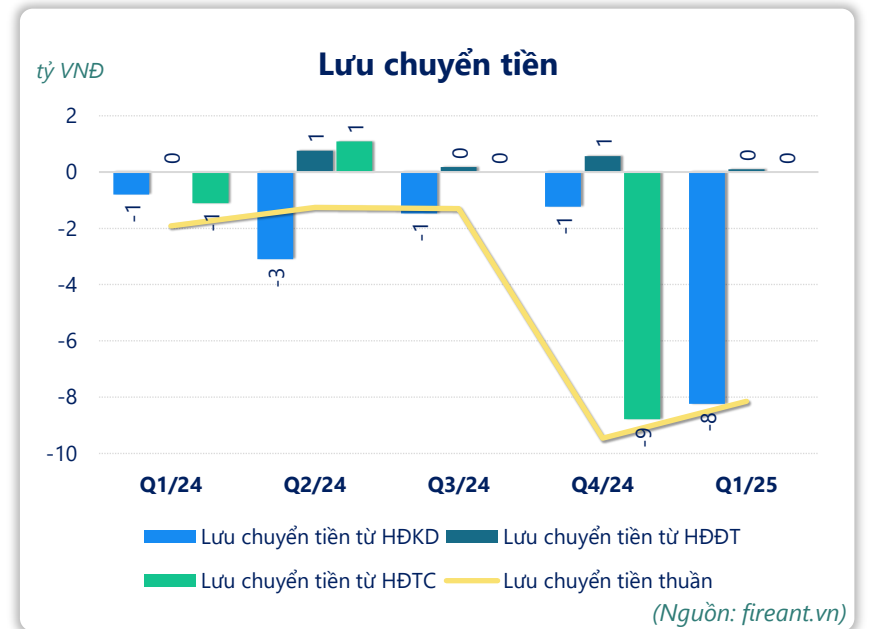
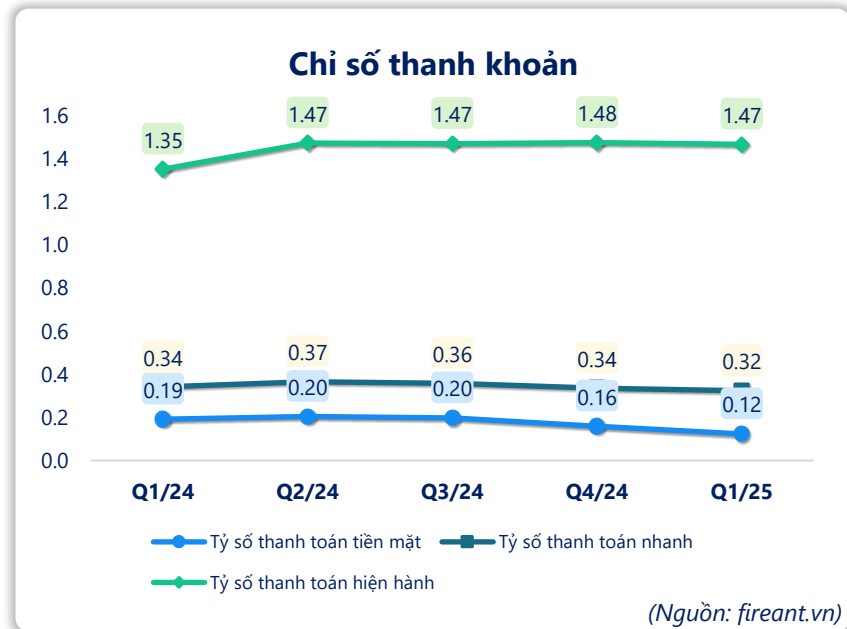
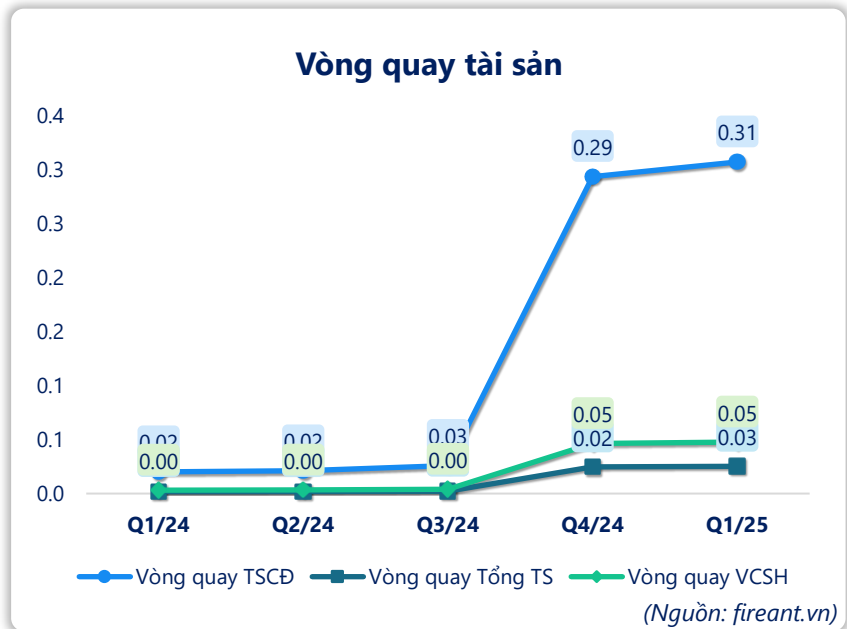
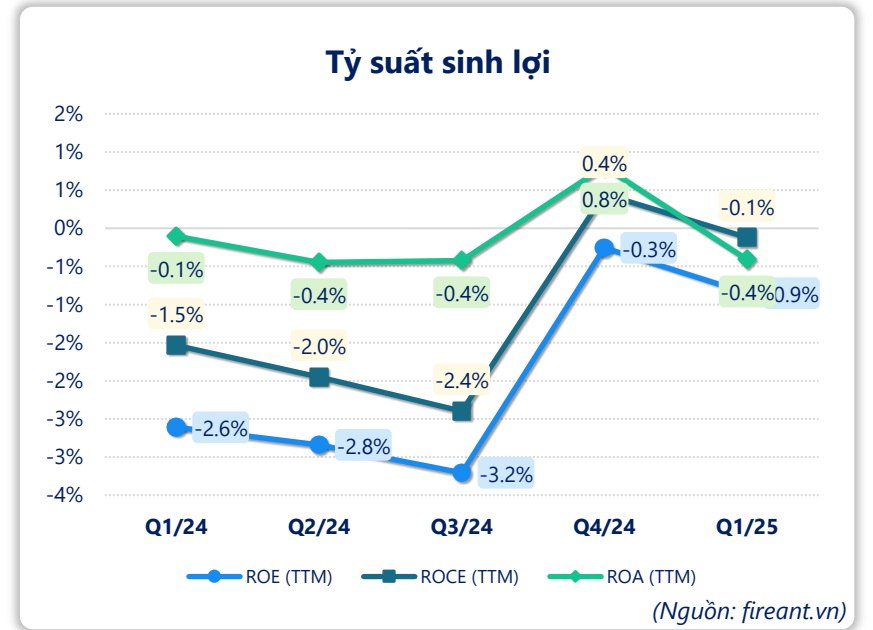
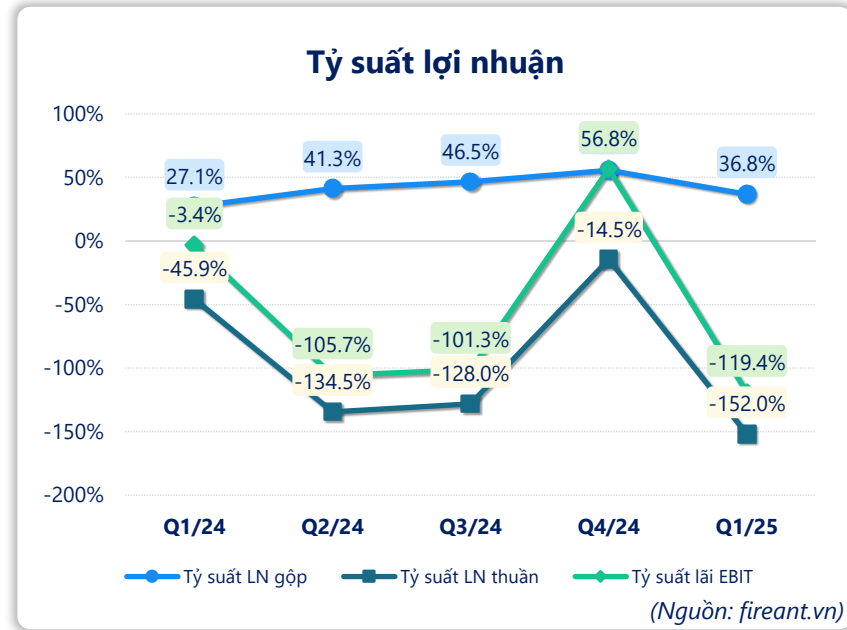
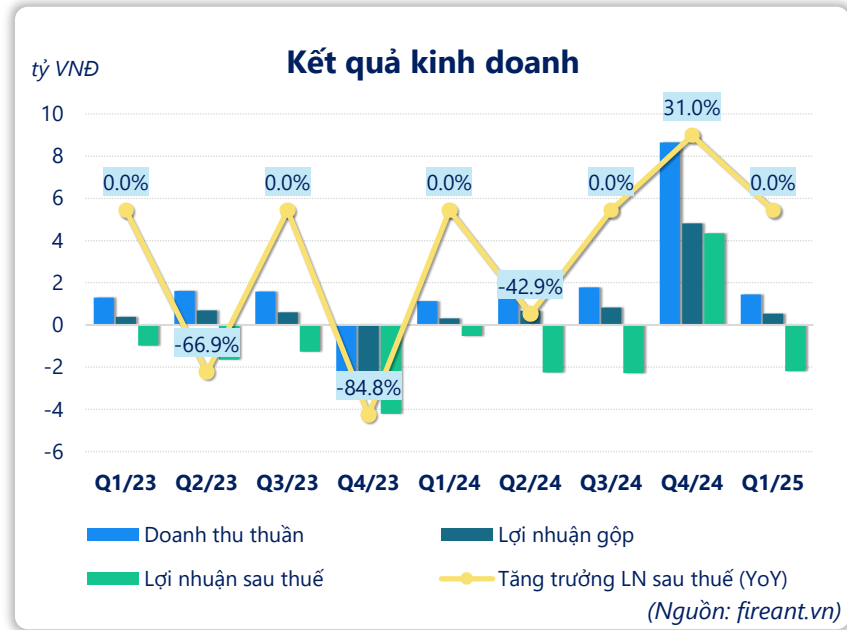


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
SL cổ phiếu LH		17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,785
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		141
P/E		-58.2
EPS		-137

	YTD	1T	3T	6T
ICG	1.3%	2.6%	2.6%	9.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	530	531	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	337	337	0.0%
Tiền và tương đương tiền	28.3	36.5	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.78	0.78	0.0%
Phải thu ngắn hạn	44.9	39.5	13.6%
Hàng tồn kho	262	260	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.01	4444%
Tài sản dài hạn	193	195	-0.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	42.2	43.1	-2.1%
Bất động sản đầu tư	15.9	16.1	-0.9%
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.85	1.00	-15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	252	251	0.4%
Nợ ngắn hạn	229	228	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.44	0.44	0.0%
Nợ dài hạn	22.7	22.8	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.1	22.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	278	280	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	278	280	-0.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1.13	1.64	1.79	8.65	1.45
Giá vốn hàng bán	0.82	0.96	0.95	3.84	0.91
Lợi nhuận gộp	0.31	0.68	0.83	4.81	0.53
Doanh thu HĐTC	1.37	-0.67	-0.86	0.60	0.10
Chi phí TC	0.48	0.47	0.48	0.48	0.47
Chi phí lãi vay	0.48	0.47	0.48	0.48	0.47
LN trong công ty LKLD	0	0.00	0.00	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.71	1.75	1.78	6.19	2.36
LN thuần từ HĐKD	-0.52	-2.21	-2.29	-1.26	-2.20
Lợi nhuận khác	0	0	0	5.70	0
LN trước thuế	-0.52	-2.21	-2.29	4.44	-2.20
Lợi nhuận sau thuế	-0.52	-2.26	-2.29	4.34	-2.20
LNST của CĐ cty mẹ	-0.52	-2.26	-2.29	4.34	-2.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.80	-3.10	-1.47	-1.23	-8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.75	0.18	0.56	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.11	1.09	0	-8.79	0
Tiền đầu kỳ	50.4	48.5	47.2	45.9	36.5
Lưu chuyển tiền thuần	-1.91	-1.26	-1.30	-9.46	-8.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.5	47.2	45.9	36.5	28.3

(Nguồn: fireant.vn)